ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 01/2021/TB-LPQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2021

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về Quy chế tài chính và quản lý sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào, ký tại Hà Nội ngày 06 tháng 12 năm 2020, có hiệu lực từ ngày 06 tháng 12 năm 2020.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi văn bản Thỏa thuận theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ LUẬT PHÁP
VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Ngự

HIỆP ĐỊNH

TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ

GIỮA

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (sau đây gọi là "các Bên"),

Mong muốn tăng cường hợp tác nhằm đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm,

Trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quy định pháp luật,

Đã thoả thuận như sau:

Điều 1

Mục đích của Hiệp định

Phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật hiện hành của mỗi Bên, các Bên dành cho nhau sự tương trợ ở mức tối đa trong các vấn đề về hình sự.

Điều 2

Sử dụng thuật ngữ

Nhằm mục đích của Hiệp định này,

(a) thuật ngữ "chứng cứ" bao gồm tài liệu, hồ sơ và các đồ vật có tính chất chứng cứ khác;

(b) thuật ngữ "tài sản" là các loại tài sản, hữu hình hay vô hình, cố định hay di động, và các tài liệu hay công cụ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó;

(c) thuật ngữ "công cụ, phương tiện phạm tội" là bất kỳ tài sản đã, đang hoặc sẽ được sử dụng để thực hiện tội phạm hình sự;

(d) thuật ngữ "tài sản do phạm tội mà có" là bất kỳ tài sản có nguồn gốc hoặc có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc thực hiện tội phạm hình sự;

(e) thuật ngữ "phong tỏa" hoặc "thu giữ" là việc tạm thời cấm chuyển giao, chuyển đổi, định đoạt hoặc di chuyển tài sản hoặc tạm thời trông coi hay quản lý tài sản trên cơ sở một lệnh do tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác ban hành;

(f) thuật ngữ "tịch thu" bao gồm việc tước đoạt khi có thể áp dụng, sẽ là tước đoạt vĩnh viễn tài sản theo lệnh của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

Điều 3

Phạm vi tương trợ

1. Phạm vi tương trợ có thể bao gồm:

a) tống đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu;

b) triệu tập người làm chứng và người giám định;

c) thu thập chứng cứ và lấy lời khai;

d) chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) chuyển giao tạm thời người đang chấp hành hình phạt tù tại Bên được yêu cầu đến Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ;

f) tổ chức đưa người khác hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu;

g) áp dụng các biện pháp nhằm truy tìm, kê biên, phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội;

h) trao đổi thông tin;

i) các hình thức tương trợ khác phù hợp với mục đích của Hiệp định này và không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu.

2. Hiệp định này không áp dụng đối với:

a) dẫn độ, bắt hoặc giam giữ người để dẫn độ;

b) thi hành bản án hình sự của Bên yêu cầu ở Bên được yêu cầu, trừ những trường hợp pháp luật của Bên được yêu cầu và Hiệp định này cho phép;

c) chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù để tiếp tục thi hành án.

Điều 4

Cơ quan trung ương

1. Mỗi Bên chỉ định Cơ quan trung ương vì mục đích thi hành Hiệp định này.

2. Cơ quan dưới đây sẽ được coi là Cơ quan trung ương kể từ khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực:

a) Đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Đối với nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào là Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

3. Các Bên sẽ thông báo cho nhau khi có bất kỳ sự thay đổi nào về Cơ quan trung ương quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Các Cơ quan trung ương liên hệ trực tiếp với nhau để thực hiện Hiệp định này. Trong trường hợp cần thiết, các Bên có thể liên hệ qua kênh ngoại giao.

5. Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh có chung đường biên giới của các Bên có thể liên hệ trực tiếp với nhau trong việc chuyển giao, tiếp nhận và thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự, đồng thời phải báo cáo cho Cơ quan trung ương của nước mình.

Điều 5

Nội dung và hình thức văn bản yêu cầu tương trợ

1. Văn bản yêu cầu tương trợ phải nêu rõ:

a) tên, địa chỉ cơ quan lập yêu cầu;

b) tên, địa chỉ hoặc văn phòng chính của cơ quan được yêu cầu;

c) họ tên, địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc của cá nhân, tên đầy đủ, địa chỉ hoặc văn phòng chính của cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến yêu cầu;

d) nội dung tương trợ, mục đích của yêu cầu, tóm tắt nội dung vụ án và các tình tiết liên quan, trích dẫn điều luật và hình phạt có thể được áp dụng, tiến độ điều tra, truy tố, xét xử và thời hạn mong muốn thực hiện yêu cầu.

2. Văn bản yêu cầu tương trợ cũng có thể bao gồm:

a) đặc điểm nhận dạng, quốc tịch và nơi ở của đối tượng trong vụ án hình sự hoặc những người có thông tin liên quan đến vụ án đó;

b) vấn đề cần thẩm vấn, câu hỏi đặt ra, mô tả tài liệu, hồ sơ hoặc vật chứng được đưa ra và nếu có thể thì mô tả đặc điểm, hình dạng người được yêu cầu xuất trình tài liệu, hồ sơ, vật chứng đối với yêu cầu thu thập chứng cứ;

c) nội dung công việc, câu hỏi, yêu cầu đối với người làm chứng, người giám định được triệu tập;

d) mô tả về tài sản và nơi có tài sản cần tìm, căn cứ để xác định tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội đang tồn tại ở Bên được yêu cầu và có thể thuộc quyền tài phán của Bên yêu cầu và việc thực hiện bản án, quyết định của tòa án đối với yêu cầu về khám xét, thu giữ hoặc truy tìm, tịch thu tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội;

e) biện pháp cần áp dụng đối với yêu cầu tương trợ có thể dẫn đến việc phát hiện hoặc thu giữ tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội;

f) yêu cầu hoặc thủ tục của Bên yêu cầu để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ, cách thức hoặc hình thức cung cấp thông tin, chứng cứ, tài liệu, đồ vật;

g) mức độ bảo mật và lý do kèm theo;

h) mục đích, dự định thời gian và lịch trình chuyến đi trong trường hợp người có thẩm quyền của Bên yêu cầu cần phải đến lãnh thổ của Bên được yêu cầu vì mục đích thực hiện yêu cầu tương trợ;

i) bản án, quyết định hình sự của tòa án và tài liệu, chứng cứ hoặc thông tin khác cần thiết cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Nếu Bên được yêu cầu xét thấy thông tin trong văn bản yêu cầu không đủ để thực hiện yêu cầu tương trợ theo Hiệp định này, thì đề nghị bổ sung thông tin bằng văn bản và ấn định thời hạn cụ thể trả lời kết quả bổ sung.

4. Yêu cầu tương trợ phải được lập thành văn bản, trừ trường hợp Bên được yêu cầu chấp nhận yêu cầu tương trợ bằng các hình thức khác trong trường hợp khẩn cấp. Sau đó, Bên yêu cầu phải kịp thời xác nhận bằng văn bản cho Bên được yêu cầu.

5. Yêu cầu tương trợ và tài liệu kèm theo được lập bằng ngôn ngữ của Bên yêu cầu kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ của Bên được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác mà Bên được yêu cầu chấp nhận.

Điều 6

Từ chối hoặc hoãn thực hiện tương trợ

1. Việc tương trợ theo Hiệp định này sẽ bị từ chối nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Yêu cầu không phù hợp với điều ước quốc tế mà Bên được yêu cầu là thành viên, hoặc không phù hợp với pháp luật của Bên được yêu cầu;

b) Việc thực hiện yêu cầu có thể gây phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia của Bên được yêu cầu;

c) Yêu cầu liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về hành vi phạm tội mà người đó đã bị kết án, được tuyên không có tội hoặc được đại xá, đặc xá tại Bên được yêu cầu;

d) Yêu cầu liên quan đến hành vi phạm tội đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu;

e) Yêu cầu liên quan đến hành vi không cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu.

2. Tương trợ có thể bị Bên được yêu cầu hoãn thực hiện nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ cản trở các thủ tục tố tụng hình sự đang được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu.

3. Khi từ chối hoặc hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ theo quy định của Điều này, Bên được yêu cầu phải:

a) thông báo ngay cho Bên yêu cầu về lý do từ chối hoặc hoãn; và

b) trao đổi với Bên yêu cầu để xác nhận khả năng thực hiện tương trợ với các điều kiện mà Bên được yêu cầu cho là cần thiết.

4. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận việc tương trợ với những điều kiện quy định tại khoản 3.b thì phải tuân thủ các điều kiện đó.

Điều 7

Thực hiện yêu cầu tương trợ

1. Bên được yêu cầu sẽ thực hiện ngay các yêu cầu tương trợ phù hợp với pháp luật nước mình và theo trình tự, thủ tục do Bên yêu cầu đề nghị nếu không trái với quy định pháp luật nước mình.

2. Nếu có đề nghị, Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu về thời gian và địa điểm thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Bên được yêu cầu phải kịp thời thông báo cho Bên yêu cầu về các tình huống phát sinh có thể trì hoãn việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

4. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu sẽ kịp thời thông báo cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu về kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 8
Tống đạt giấy tờ

1. Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu kịp thời thực hiện yêu cầu về tống đạt giấy tờ.

2. Trường hợp yêu cầu tống đạt giấy triệu tập người làm chứng, người giám định, Bên yêu cầu phải gửi giấy triệu tập cho Bên được yêu cầu không ít hơn chín mươi (90) ngày trước ngày dự định người đó có mặt tại Bên yêu cầu. Trong trường hợp khẩn cấp, Bên được yêu cầu có thể không áp dụng thời hạn này.

3. Bên được yêu cầu phải chuyển cho Bên yêu cầu văn bản xác nhận đã tống đạt giấy tờ. Nếu việc tống đạt không thực hiện được, Bên yêu cầu phải được thông báo lý do.

Điều 9
Cung cấp thông tin

1. Bên được yêu cầu sẽ cung cấp các bản sao tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự.

2. Bên được yêu cầu có thể cung cấp bản sao của bất kỳ tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin với cùng cách thức và điều kiện như đối với trường hợp cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền nước mình.

3. Bên được yêu cầu có thể cung cấp bản sao có chứng thực của các tài liệu hoặc hồ sơ, trừ khi Bên yêu cầu đề nghị cung cấp bản gốc.

Điều 10

Trả lại tài liệu cho Bên được yêu cầu

Theo đề nghị của Bên được yêu cầu, Bên yêu cầu phải trả lại tài liệu đã được cung cấp theo Hiệp định này khi những tài liệu đó không còn cần cho các vấn đề hình sự được nêu trong yêu cầu tương trợ.

Điều 11

Khám xét và thu giữ

1. Trong phạm vi pháp luật của mình, Bên được yêu cầu thực hiện việc khám người hoặc khám xét địa điểm nhằm tìm kiếm và thu giữ giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật là chứng cứ trong vụ án hình sự mà Bên yêu cầu đang tiến hành. Trong trường hợp này, các quyền của bên thứ ba ngay tình được tôn trọng và bảo vệ.

2. Bên được yêu cầu, ngay khi có thể, phải thông báo cho Bên yêu cầu về kết quả khám xét, địa điểm, hoàn cảnh của việc thu giữ và việc bảo quản tài liệu, hồ sơ hoặc đồ vật thu giữ được.

Điều 12

Thu thập chứng cứ và lấy lời khai

1. Trong phạm vi pháp luật của mình và nếu có yêu cầu, Bên được yêu cầu lấy lời khai hoặc bản tường trình của những người liên quan hoặc yêu cầu họ đưa ra chứng cứ để chuyển cho Bên yêu cầu.

2. Người mà Bên được yêu cầu sẽ thu thập chứng cứ theo yêu cầu tương trợ phù hợp với Điều này có thể từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp sau:

a) pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu; hoặc

b) pháp luật của Bên yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng được tiến hành trên lãnh thổ của Bên yêu cầu.

3. Nếu người trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu cho rằng pháp luật của Bên yêu cầu có quy định về quyền hoặc nghĩa vụ phải từ chối cung cấp chứng cứ, thì Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu, nếu được yêu cầu, phải cung cấp một văn bản xác nhận cho Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu về quy định về quyền hoặc nghĩa vụ đó. Trong trường hợp không có căn cứ ngược lại, thì văn bản xác nhận đó sẽ là một căn cứ đầy đủ về những vấn đề được nêu trong đó.

4. Theo Điều này, việc thu thập chứng cứ bao gồm cả việc thu thập tài liệu, hồ sơ hoặc các đồ vật khác.

Điều 13

Chuyển giao tạm thời người đang chấp hành hình phạt tù để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu

1. Người đang chấp hành hình phạt tù trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, theo đề nghị của Bên yêu cầu, có thể được chuyển giao tạm thời cho Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ trên lãnh thổ của Bên yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù cho Bên yêu cầu chỉ khi:

a) người đó đồng ý với việc chuyển giao để hỗ trợ điều tra hay cung cấp chứng cứ; và

b) bên yêu cầu đồng ý tuân thủ các điều kiện cụ thể do Bên được yêu cầu đưa ra liên quan đến việc giam giữ và bảo đảm an toàn cho người được chuyển giao.

3. Khi Bên được yêu cầu thông báo cho Bên yêu cầu là không cần giam giữ người bị chuyển giao nữa, thì người đó sẽ được trả tự do và được đối xử như đối với người quy định tại Điều 14.

4. Người được chuyển giao theo quy định của Điều này sẽ được trao trả cho Bên được yêu cầu theo cách thức hai bên đã thoả thuận ngay sau khi đã cung cấp chứng cứ hoặc vào thời điểm sớm hơn nếu sự có mặt của người đó không còn cần thiết. Thời gian người đang chấp hành hình phạt tù bị dẫn giải, lưu lại ở Bên yêu cầu được tính vào thời hạn chấp hành hình phạt tù của người đó.

Điều 14

Tổ chức đưa người khác hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu

1. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu có thể đưa một người không phải là người quy định tại Điều 13 của Hiệp định này đến lãnh thổ của Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại lãnh thổ của Bên yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu, nếu đồng ý với các biện pháp bảo đảm an toàn mà Bên yêu cầu cam kết áp dụng bằng văn bản, sẽ đề nghị người đó cung cấp chứng cứ hoặc hỗ trợ điều tra trên lãnh thổ của Bên yêu cầu. Người đó sẽ được thông báo về điều kiện ăn ở, đi lại tại Bên yêu cầu, số tiền trợ cấp hoặc chi phí được hưởng. Bên được yêu cầu sẽ thông báo ý kiến của người đó cho Bên yêu cầu và nếu người đó chấp thuận thì tiến hành các bước cần thiết để thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 15

Chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Các Bên có thể chuyển giao cho nhau thông tin liên quan đến các tình tiết có thể cấu thành tội phạm thuộc quyền tài phán của Bên tiếp nhận để có thể tiến hành các thủ tục tố tụng hình sự trên lãnh thổ của Bên tiếp nhận.

2. Bên tiếp nhận phải thông báo cho Bên chuyển giao về các biện pháp đã áp dụng, và nếu có thể, kết quả của các thủ tục tố tụng hình sự đã được tiến hành trên cơ sở thông tin đó bằng việc chuyển giao bản chính hoặc bản sao có chứng nhận quyết định cuối cùng.

3. Phù hợp với quy định pháp luật nước mình và các Hiệp định có liên quan, nếu khi gửi ủy thác truy cứu trách nhiệm hình sự mà bị can, bị cáo đang bị giam trên lãnh thổ của Bên chuyển giao, thì Bên chuyển giao phải dẫn độ bị can, bị cáo đó cho Bên tiếp nhận.

Điều 16

Bảo đảm an toàn

1. Người có mặt trên lãnh thổ Bên yêu cầu theo yêu cầu tương trợ tại Điều 13 hoặc Điều 14 Hiệp định này sẽ:

a) Không bị giam giữ, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị áp dụng hình phạt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, cũng như không phải tham gia bất kỳ vụ kiện dân sự nào nếu vụ kiện dân sự đó không thể tiến hành khi người đó không ở trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, đối với hành vi được cho là xảy ra trước khi người này rời lãnh thổ của Bên được yêu cầu;

b) Không phải cung cấp chứng cứ theo bất kỳ thủ tục tố tụng hình sự nào và giúp đỡ bất kỳ việc điều tra hình sự nào ngoài phạm vi vấn đề hình sự đã nêu trong yêu cầu tương trợ, nếu người đó không đồng ý.

2. Khoản 1 Điều này không áp dụng nếu người đó đã được tự do rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu, nhưng đã không rời khỏi trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ khi được thông báo chính thức rằng sự có mặt của người đó là không còn cần thiết nữa hoặc đã rời khỏi nhưng tự quay trở lại.

3. Người không đồng ý cung cấp chứng cứ hay hỗ trợ điều tra theo Điều 13 hoặc Điều 14 của Hiệp định này không phải chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào của Bên yêu cầu hay Bên được yêu cầu.

4. Người đồng ý cung cấp chứng cứ hay hỗ trợ điều tra theo Điều 13 hoặc Điều 14 Hiệp định này sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự vì những lời khai của họ, trừ việc họ khai báo gian dối.

Điều 17

Tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội

1. Bên được yêu cầu, theo yêu cầu, sẽ cố gắng xác định xem có tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội có trong phạm vi lãnh thổ của mình hay không và thông báo cho Bên yêu cầu kết quả điều tra của mình.

2. Trong trường hợp tìm thấy tài sản nghi là do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội, Bên được yêu cầu sẽ áp dụng các biện pháp mà pháp luật nước mình cho phép để phong tỏa hoặc thu giữ và thực hiện quyết

định có hiệu lực cuối cùng về tịch thu tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội của cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu. Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu có thể trả lại tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội cho Bên yêu cầu. Việc trả lại chỉ được thực hiện khi đã có quyết định cuối cùng đối với tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu.

3. Khi áp dụng Điều này, các quyền chính đáng của bên thứ ba ngay tình có liên quan sẽ được tôn trọng và bảo vệ theo pháp luật của Bên được yêu cầu.

Điều 18
Bảo mật và giới hạn sử dụng

1. Bên được yêu cầu có thể đề nghị bảo mật thông tin hay chứng cứ được cung cấp hoặc nguồn của những thông tin hay chứng cứ đó. Việc tiết lộ hoặc sử dụng phải phù hợp với pháp luật Bên yêu cầu và được sự đồng ý bằng văn bản của Bên được yêu cầu.

2. Bên yêu cầu có thể đề nghị giữ bí mật nội dung của yêu cầu tương trợ và các tài liệu kèm theo yêu cầu tương trợ. Nếu yêu cầu tương trợ chỉ có thể được thực hiện khi vi phạm các điều kiện về bảo mật, Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu trước khi thực hiện yêu cầu tương trợ và Bên yêu cầu sẽ quyết định việc yêu cầu có thể được thực hiện toàn bộ hoặc từng phần.

3. Bên yêu cầu phải bảo đảm rằng thông tin hoặc chứng cứ thu thập được sẽ được bảo vệ, không để mất mát, bị tiếp cận, sử dụng, sửa đổi, tiết lộ trái phép hoặc bị lạm dụng.

4. Bên yêu cầu không được sử dụng hoặc tiết lộ thông tin hoặc chứng cứ thu thập được theo Hiệp định này vào những mục đích khác ngoài những mục đích đã nêu rõ trong yêu cầu tương trợ mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên được yêu cầu.

Điều 19
Chứng nhận và chứng thực

1. Văn bản yêu cầu tương trợ, các tài liệu kèm theo và tài liệu hoặc đồ vật là kết quả thực hiện một yêu cầu tương trợ không đòi hỏi bất kỳ hình thức chứng nhận hay chứng thực nào trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trong trường hợp cụ thể khi Bên được yêu cầu hoặc Bên yêu cầu đòi hỏi các tài liệu hoặc đồ vật phải được chứng thực, thì tài liệu hoặc đồ vật đó phải được chứng thực đầy đủ theo cách thức quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Tài liệu hoặc đồ vật được xác định là đã chứng thực theo Hiệp định này nếu tài liệu hoặc đồ vật đó được ký và đóng dấu chính thức bởi người và cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật của Bên gửi.

Điều 20
Đại diện và chi phí

1. Trừ trường hợp Hiệp định này quy định khác, Bên được yêu cầu sẽ đại diện cho quyền lợi của Bên yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ.

2. Bên được yêu cầu phải chịu chi phí thực hiện yêu cầu tương trợ, trừ các chi phí dưới đây do Bên yêu cầu chi trả:

a) Các chi phí gắn với việc đưa người đến hoặc đi từ lãnh thổ của Bên được yêu cầu và sinh hoạt phí, lệ phí hoặc chi phí người đó được hưởng trong thời gian có mặt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu theo yêu cầu tương trợ quy định tại Điều 13 hoặc Điều 14 của Hiệp định này;

b) Các chi phí gắn với việc chuyên chở các nhân viên dẫn giải hoặc hộ tống;

c) Chi phí trưng cầu giám định;

d) Chi phí liên quan tới việc phiên dịch, biên dịch và sao chép tài liệu và thu thập chứng cứ bằng hình ảnh, qua cầu truyền hình hoặc các phương tiện kỹ thuật khác từ Bên được yêu cầu tới Bên yêu cầu;

e) Chi phí liên quan đến việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có; và

f) Các chi phí bất thường phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ khi Bên được yêu cầu đề nghị.

Điều 21
Mối quan hệ với các thỏa thuận khác

Hiệp định này không ngăn cản một Bên thực hiện tương trợ cho Bên kia theo một thỏa thuận hay điều ước quốc tế khác mà các Bên là thành viên.

Điều 22
Tham vấn

Các Bên sẽ tham vấn lẫn nhau tại thời điểm do các Bên thỏa thuận nhằm nâng cao hiệu quả thi hành Hiệp định này. Các Bên cũng có thể thỏa thuận về các biện pháp thực tế nếu thấy cần thiết để tạo điều kiện cho việc thi hành Hiệp định này.

Điều 23
Giải quyết bất đồng

Bất kì bất đồng nào trong giải thích hay áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng việc tham vấn giữa các Bên.

Điều 24
Hiệu lực và chấm dứt Hiệp định

1. Hiệp định này:

a) phải được phê chuẩn và có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) sau ngày trao đổi thông báo sau cùng qua đường ngoại giao về việc hoàn thành thủ tục pháp luật trong nước về phê chuẩn Hiệp định để Hiệp định có hiệu lực;

b) được áp dụng đối với yêu cầu được lập sau khi Hiệp định có hiệu lực, kể cả yêu cầu có liên quan đến hành vi xảy ra trước khi Hiệp định có hiệu lực;

c) có thể được sửa đổi, bổ sung khi cả hai Bên đồng ý. Trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, văn bản sửa đổi, bổ sung là một phần không thể tách rời của Hiệp định này.

2. Kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực, các Điều 1 đến 16 và Điều 74 của Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 06 tháng 7 năm 1998 tại Hà Nội sẽ không được áp dụng đối với hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự giữa các Bên và các Điều 54 đến 58 của Hiệp định này sẽ chấm dứt hiệu lực.

3. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định này bằng việc thông báo bằng văn bản cho Bên kia. Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo về việc chấm dứt Hiệp định.

4. Trong trường hợp chấm dứt hiệu lực, Hiệp định này vẫn tiếp tục áp dụng đối với yêu cầu được đưa ra trước ngày chấm dứt Hiệp định.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây được Nhà nước của mình uỷ quyền hợp thức, đã ký Hiệp định này.

Làm tại thủ đô Viêng Chăn, ngày 08 tháng 01 năm 2020, thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Lào và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích Hiệp định này thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI** **CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**THAY MẶT** **NƯỚC CỘNG HÒA** **DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**
Lê Minh Trí **Viện trưởng** **Viện kiểm sát nhân dân tối cao**	**Khamsane SOUVONG** **Viện trưởng** **Viện kiểm sát nhân dân tối cao**

ສົນທິສັນຍາ
ວ່າດ້ວຍ
ການຊ່ວຍເຫຼືອ ເຊິ່ງກັນ ແລະ ກັນທາງດ້ານກົດໝາຍ ໃນບັນຫາອາຍາ
ລະຫວ່າງ
ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ
ແລະ
ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ

ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ (ຕໍ່ໄປນີ້ເອີ້ນว่า "ຄູ່ສັນຍາ").

ດ້ວຍຄວາມປາຖະໜາຢາກສົ່ງເສີມການຮ່ວມມືໃນການຕ້ານອາຊະຍາກຳຢ່າງມີປະສິດທິຜົນ.

ດ້ວຍການເຄົາລົບສິດທິມະນຸດ ແລະ ການປົກຄອງດ້ວຍກົດໝາຍ.

ໄດ້ຕົກລົງກັນ ດັ່ງຈຸ່ມນີ້:

ມາດຕາ 1
ເນື້ອໃນຂອງສົນທິສັນຍາ

ໂດຍສອດຄ່ອງກັບສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ແລະ ກົດໝາຍພາຍໃນຂອງຕົນ ຄູ່ສັນຍາ ຕ້ອງໃຫ້ການຊ່ວຍເຫຼືອກັນ ແລະ ກັນທາງດ້ານກົດໝາຍໃນບັນຫາອາຍາຢ່າງກວ້າງຂວາງ.

ມາດຕາ 2
ການອະທິບາຍຄຳສັບ

ເພື່ອຈຸດປະສົງຂອງສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້,

ກ. ຄຳว่า "ຫຼັກຖານ" ໝາຍເຖິງ ເອກະສານ, ບົດບັນທຶກ ແລະ ຫຼັກຖານອື່ນ;

ຂ. ຄຳว่า"ສິນຄ້າ" ໝາຍເຖິງ ສິນຄ້າປະເພດ ລວມທັງ ສິ່ງທີ່ມີຫົວຄົນ ຫຼື ບໍ່ມີຫົວຄົນ, ສິ່ງຫາລົມ ຫຼື ອະສັງຫາ ລົມ, ສາມາດໄດ້ ຫຼື ສາມາດບໍ່ໄດ້ ແລະ ເອກະສານທາງດ້ານກົດໝາຍ ຫຼື ໜັງສື ທີ່ຢັ້ງຢືນສະຖານະ ຫຼື ຄົນປະໄຫຍດ ກ່ຽວກັບສິນຄ້າດັ່ງກ່າວ;

ຄ. ຄຳว่า "ວັດຖຸທີ່ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນການກະທຳຜິດ" ໝາຍເຖິງ ສິນຄ້າປະເພດ ທີ່ໄດ້ນຳໃຊ້, ນຳໃຊ້ ຫຼື ເຈດຕະນາຈະນຳໃຊ້ ເຂົ້າໃນການກະທຳການກະທຳຜິດ;

ງ. "ສິນຄ້າທີ່ໄດ້ມາຈາກການກະທຳຜິດ" ໝາຍເຖິງສິນຄ້າປະເພດ ທີ່ໄດ້ມາ ຫຼື ໄດ້ຮັບ ໂດຍທາງກົງ ແລະ ທາງອ້ອມ ຈາກການກະທຳຜິດ;

ຈ. ຄຳว่า "ການຍຶດ ຫຼື ອາຍັດສິນຄ້າ" ໝາຍເຖິງ ການຫ້ຳໂອນ, ປ່ຽນຮູບ, ຊື້ຂາດ ຫຼື ເຄື່ອນຍ້າຍສິນຄ້າ ເປັນການຊົ່ວຄາວ ຫຼື ການນຳເອົາສິນຄ້າມາໄວ້ໃນການຄຸ້ມຄອງ ຫຼື ການຄວບຄຸມ ເປັນການຊົ່ວຄາວ ຕາມຄຳສັ່ງຂອງສານ ຫຼື ອົງການອື່ນທີ່ມີສິດອຳນາດ;

ສ. ຄຳว่า "ການສົ່ງສິນຄ້າ" ຊຶ່ງລວມທັງການປັບໄໝ ຖ້າມີ ໝາຍເຖິງ ການຂັດກຳນະລັດ ຕໍ່ສິນຄ້າຢ່າງຖາວອນ ຕາມຄຳສັ່ງຂອງສານ ຫຼື ອົງການອື່ນທີ່ມີສິດອຳນາດ.

ມາດຕາ 3

ຂອບເຂດການຊ່ວຍເຫຼືອ

1. ການຊ່ວຍເຫຼືອ ອາດມີດັ່ງນີ້:

ກ. ສົ່ງມອບເອກະສານ;

ຂ. ຮ່ວມສະບານ ແລະ ຊຸກຍູ້ຈວຂານ;

ຄ. ປະກອບຫຼັກຖານ ແລະ ການເອົາຄຳໃຫ້ການ;

ງ. ໂອນການດຳເນີນການຄະດີອາຍາ;

ຈ. ໂອນຕົວຜູ້ຖືກສານຕັດສິນລົງໂທດ ເປັນການຊົ່ວຄາວ ໃນພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ເພື່ອປະກົດຕົວໃນພາທີ່ຮ້ອງຂໍ ໃນການຊ່ວຍເຫຼືອ ກ່ຽວກັບການສືບສວນ-ສອບສວນ ຫຼື ໃຫ້ຫຼັກຖານ;

ສ. ຈັດການກ່ຽວກັບບຸກຄົນອື່ນ ເພື່ອໃຫ້ການຊ່ວຍເຫຼືອ ໃນການສືບສວນ-ສອບສວນ ຫຼື ໃຫ້ຫຼັກຖານ ໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ;

ຊ. ນຳໃຊ້ມາດຕະການໃນການ ຄົດຕາມ, ກັກ, ອາຍັດ, ຍຶດ ຫຼື ຂົນຂຶ້ນ ແລະ/ຫຼື ວັດຖຸທີ່ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນການກະ ທຳຜິດ;

ບ. ແລກປ່ຽນຂໍ້ມູນຂ່າວສານ;

ດ. ຮູບການອື່ນຂອງການຊ່ວຍເຫຼືອ ທີ່ສອດຄ່ອງກັບເນື້ອໃນຂອງສົນທິສັນຍານີ້ ຂຶ້ນກັບກົດໝາຍຂອງພາຄີທີ່ ຖືກຮ້ອງຂໍ.

2. ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະບໍ່ນຳໃຊ້ກ່ຽວກັບ:

ກ. ການສົ່ງຜູ້ຮ້າຍຂ້ານແດນ ຫຼື ການຈັບຕົວ ຫຼື ການກັກຂັງບຸກຄົນ ເພື່ອຈຸດປະສົງຂອງ ການສົ່ງຜູ້ຮ້າຍຂ້ານແດນ;

ຂ. ການປະຕິບັດຄຳສັດສິນຂອງສານຂອງພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ກ່ຽວກັບຄະດີອາຍາ ໃນພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ເວັ້ນເສຍແຕ່ ກົດໝາຍຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ແລະ ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ອະນຸຍາດ;

ຄ. ການໂອນຕົວຜູ້ຖືກສານຕັດສິນລົງໂທດ ເພື່ອປະຕິບັດໂທດ.

ມາດຕາ 4

ອົງການໃຈກາງປະສານງານ

1. ເພື່ອຈຸດປະສົງໃນການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ພາຄີ ຕ້ອງແຕ່ງຕັ້ງອົງການໃຈກາງປະສານ ງານ ຂອງຕົນ.

2. ອົງການທີ່ຖືກແຕ່ງຕັ້ງໃຫ້ເປັນອົງການໃຈກາງປະສານງານ ພາຍຫຼັງ ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ມີຜົນສັກສິດ ມີດັ່ງນີ້:

ກ. ອົງການໃຈກາງປະສານງານຂອງ ສະຫະລັດອະເມລິກາ ແມ່ນ ອົງການ ໄອຍະການປະຊາຊົນສູງສຸດ;

ຂ. ອົງການໃຈກາງປະສານງານຂອງ ສະຫະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແມ່ນ ອົງການໄອຍະ ການປະຊາຊົນສູງສຸດ.

3. ພາຄີ ຕ້ອງແຈ້ງໃຫ້ກັນຊາບ ກ່ຽວກັບການປ່ຽນແປງອົງການໃຈກາງປະສານງານຂອງຕົນ ຕາມທີ່ໄດ້ ກຳນົດໄວ້ໃນຂໍ້ 2 ຂອງມາດຕານີ້;

4. ອົງການໃຈກາງປະສານງານ ຕ້ອງພົວພັນກັນໂດຍກົງ ໃນການປະຕິບັດສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້. ໃນກໍລະນີຈຳເປັນ ຖ້າພາຄີ ອາດພົວພັນກັນ ໂດຍຜ່ານຊ່ອງທາງການທູດ.

ຣ. ອົງການໄອຍະການປະຊາຊົນບັນດາ ແຂວງທີ່ມີຊາຍແດນຕິດຈອດກັນຂອງສາທາ ຈະປະສານງານກັນ ກ່ຽວກັບການສົ່ງ, ຮັບ ແລະ ປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍການຊ່ວຍເຫຼືອຊຶ່ງກັນ ແລະ ກັນທາງດ້ານກົດໝາຍໃນບັນຫາ ອາຍາ ໂດຍທັນທີໄດ້ ແລະ ໃນເວລາດຽວກັນນັ້ນ ຕ້ອງລາຍງານໃຫ້ອົງການ ໃຈກາງປະສານງານຂອງຕົນຊາບ.

ມາດຕາ 5

ເນື້ອໃນ ແລະ ຮູບການຮ້ອງຂໍ

1. ໜັງສືຮ້ອງຂໍການຊ່ວຍເຫຼືອ ຕ້ອງປະກອບດ້ວຍ:

ກ. ຊື່ ແລະ ທີ່�อยู่ຂອງອົງການທີ່ຮ້ອງຂໍ;

ຂ. ຊື່ ແລະ ທີ່ຢູ່ ຂອງອົງການທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຫຼື ສຳນັກງານໃຫຍ່ຂອງຕົນ ທີ່ຄຳຮ້ອງຂໍນັ້ນ ສົ່ງເຖິງ;

ຄ. ຊື່ຂອງບຸກຄົນ ແລະ ທີ່ຢູ່ຖາວອນ ຫຼື ທີ່ຢູ່ຫ້ອງການ, ຊື່ ແລະ ທີ່ຢູ່ ທາງການ ຂອງນິຕິບຸກຄົນ ຫຼື ການຈັດຕັ້ງ ຫຼື ສຳນັກງານໃຫຍ່ຂອງຕົນ ຊຶ່ງຄຳຮ້ອງຂໍນັ້ນ ມີສ່ວນພົວພັນ;

ງ. ການອະທິບາຍກ່ຽວກັບການຊ່ວຍເຫຼືອທີ່ຕ້ອງການ, ຈຸດປະສົງຂອງການຮ້ອງຂໍ, ລັກສະນະ ແລະ ຂໍ້ເທັດຈິງທີ່ກ່ຽວກັບຄະດີ, ບົດບັນຍັດ ແລະ ການລົງໂທດ ຕາມກົດໝາຍທີ່ມີຜົນບັງຄັບ, ຄວາມຄືບໜ້າຂອງ ການສືບສວນ-ສອບສວນ, ການສົ່ງຟ້ອງ ຫຼື ການດຳເນີນຄະດີຂອງສານ ແລະ ກຳນົດເວລາ ໃນການປະຕິບັດ ຄຳຮ້ອງຂໍ.

2. ໜັງສືຮ້ອງຂໍການຊ່ວຍເຫຼືອ ອາດປະກອບດ້ວຍ:

ກ. ບຸກຄະລິກລະພາບ, ສັນຊາດ ແລະ ບ່ອນເກີດຂອງບຸກຄົນ (ຜູ້ຖືກຫາ) ທີ່ກ່ຽວຂ້ອງກັບຄະດີ ຫຼື ບຸກ ຄົນອື່ນ ຊຶ່ງຮູ້ຂໍ້ມູນກ່ຽວກັບຄະດີດັ່ງກ່າວ;

ຂ. ເນື້ອໃນຂອງການສອບສວນທີ່ຕ້ອງການ, ປະເດັນຄຳຖາມ ແລະ ໃນກໍລະນີ ຮ້ອງຂໍໃຫ້ປະກອບຫຼັກ ຖານນັ້ນ ໃຫ້ມີການອະທິບາຍ ກ່ຽວກັບ ເອກະສານ, ບົດບັນທຶກ ຫຼື ຫຼັກຖານທີ່ຈະສະໜອງໃຫ້ ແລະ ໃນກໍລະ ນີຈຳເປັນ ໃຫ້ມີການອະທິບາຍ ແລະ ບຸກຄະລິກລະພາບ ຂອງບຸກຄົນ ທີ່ຕ້ອງການໃນການໃຫ້ເອກະສານ, ບົດ ບັນທຶກ ຫຼື ຫຼັກຖານດັ່ງກ່າວ;

ຄ. ລັກສະນະຂອງວຽກ, ບັນຊີຄຳຖາມ ແລະ ເງື່ອນໄຂ ເພື່ອຮຽກຕົວພະຍານ ຫຼື ຜູ້ຊ່ຽວຊານ;

ງ. ໃນກໍລະນີ ຮ້ອງຂໍໃຫ້ກວດຄົ້ນ, ຍຶດ, ຕິດຕາມ ຫຼື ຮິບຮັບ ທີ່ໄດ້ມາຈາກການກະທຳຜິດ ແລະ/ຫຼື ວັດຖຸ ທີ່ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນການກະທຳຜິດ, ໃຫ້ມີບົດອະທິບາຍ ກ່ຽວກັບຮິບ ແລະ ສະຖານທີ່ກວດຄົ້ນ, ສົ້ນທີ່ ຊຶ່ງເຊື່ອວ່າ ມີຮິບທີ່ໄດ້ມາຈາກການກະທຳຜິດ ແລະ/ຫຼື ວັດຖຸທີ່ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນການກະທຳຜິດນັ້ນ ໃນກໍລະນີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ແລະ ຮິບດັ່ງກ່າວ ແມ່ນ ຢູ່ພາຍໃຕ້ສິດອຳນາດສານຂອງສາທາທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ແລະ ການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດຄຳສັ່ງ ຫຼື ຄຳຕັດ ສິນຂອງສານ ຊຶ່ງກ່ຽວຂ້ອງກັບຄຳຮ້ອງຂໍ;

ຈ. ມາດຕະການທີ່ນຳໃຊ້ ຄໍ້ຄຳຮ້ອງຂໍ ຊຶ່ງຈະຊ່ວຍໃນການຫ້າມປົດທີ່ດິນ ຫຼື ຍຶດຮິບທີ່ໄດ້ມາຈາກການ ກະທຳຜິດ ແລະ/ຫຼື ວັດຖຸທີ່ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນການກະທຳຜິດ;

ສ. ເງື່ອນໄຂ ແລະ ຂັ້ນຕອນ ຊຶ່ງສາທາທີ່ຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງການໃຫ້ປະຕິບັດຕາມ ເພື່ອອຳນວຍຄວາມສະດວກ ໃນການປະຕິບັດການຮ້ອງຂໍ ລວມທັງ ຮູບການ ຫຼື ວິທີການ ກ່ຽວກັບການໃຫ້ຂໍ້ມູນ, ຫຼັກຖານ, ເອກະສານ ຫຼື ສິ່ງອື່ນ;

ຊ. ລະດັບຄວາມລັບ ແລະ ເງື່ອນໄຂດັ່ງກ່າວ;

ຍ. ຈຸດປະສົງ, ວັນ ແລະ ວາລະການເດີນທາງ ຖ້າວ່າ ເຈົ້າໜ້າທີ່ທີ່ມີສິດອຳນາດ ຂອງສາທາທີ່ຮ້ອງຂໍ ຈະ ເດີນທາງໄປໃນດິນແດນຂອງສາທາທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ເພື່ອຈຸດປະສົງ ຂອງການປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍ;

ດ. ຄຳກັດສິນ ຫຼື ຄຳສັ່ງຂອງສານໃນຄະດີອາຍາ ແລະ ເອກະສານອື່ນ, ຫຼັກຖານ ຫຼື ຂໍ້ມູນທີ່ຈຳເປັນ ເພື່ອປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍ.

3. ຖ້າວ່າ ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ເຫັນວ່າ ຂໍ້ມູນທີ່ໄດ້ລະບຸໃນໜັງສືຮ້ອງຂໍບໍ່ຄົບຖ້ວນ ເພື່ອປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍ ຕາມສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງຮ້ອງຂໍໃຫ້ປະກອບຂໍ້ມູນເພີ່ມເຕີມເປັນລາຍລັກອັກສອນມາ ພາຍໃນກຳນົດເວລາ ທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້.

4. ຄຳຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງເຮັດເປັນລາຍລັກອັກສອນ. ເຖິງຢ່າງໃດກໍຕາມ, ໃນກໍລະນີສຸກເສີນ ແລະ ໂດຍໄດ້ຮັບອະນຸຍາດ ຈາກພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ອາດຮ້ອງຂໍໃນຮູບການອື່ນກໍໄດ້ ແຕ່ຕ້ອງໄດ້ຮັບການຢັ້ງຢືນເປັນລາຍລັກອັກສອນໃນທັນໃດ.

5. ໜັງສືຮ້ອງຂໍ ແລະ ເອກະສານປະກອບ ຕ້ອງເຮັດເປັນພາສາຂອງພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ພ້ອມທັງແປເປັນພາສາຂອງພາຄີທີ່ ຖືກຮ້ອງຂໍ ຫຼື ພາສາອື່ນ ທີ່ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ເຫັນດີ.

ມາດຕາ 6

ການປະຕິເສດ ຫຼື ການເລື່ອນການຊ່ວຍເຫຼືອ

1. ການຊ່ວຍເຫຼືອທາງດ້ານກົດໝາຍ ພາຍໃຕ້ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະຖືກປະຕິເສດໃນກໍລະນີໃດໜຶ່ງດັ່ງນີ້:

ກ. ຄຳຮ້ອງຂໍ ບໍ່ສອດຄ່ອງ ກັບສົນທິສັນຍາສາກົນ ຊຶ່ງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ເປັນພາຄີ ຫຼື ຂັດກັບກົດໝາຍຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ;

ຂ. ການປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍການຊ່ວຍເຫຼືອທາງດ້ານກົດໝາຍ ຈະແມ່ນຕ້ອງ ອະທິປະໄຕ, ຄວາມໝັ້ນຄົງ ຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ;

ຄ. ຄຳຮ້ອງຂໍ ພົວພັນເຖິງການສົ່ງຟ້ອງຫຼວງຫລັງກ່ຽວກັບການກະທຳຜິດ ຊຶ່ງຜູ້ກ່ຽວ ໄດ້ຖືກຕັດສິນທີ່ໃຊ້ໄດ້ຢ່າງເດັດຂາດ, ສິ້ນຂໍ້ກ່າວຫາ ຫຼື ໄດ້ຮັບອະໄພຍະໂทດ ໃນພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍແລ້ວ;

ງ. ການຮ້ອງຂໍ ພົວພັນເຖິງການກະທຳຜິດ ທີ່ບໍ່ສາມາດສົ່ງຟ້ອງໄດ້ ເນື່ອງຈາກໝົດອາຍຸຄວາມໃນການຮ້ອງຟ້ອງ ຕາມກົດໝາຍຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ;

ຈ. ຄຳຮ້ອງຂໍ ພົວພັນເຖິງ ການກະທຳ ຫຼື ການເນີນເສີຍ ຊຶ່ງບໍ່ແມ່ນການກະທຳຜິດ ພາຍໃຕ້ກົດໝາຍຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ.

2. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ອາດເລື່ອນ ການຊ່ວຍເຫຼືອ ຖ້າວ່າ ການປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍນັ້ນ ຈະເປັນອຸປະສັກຕໍ່ການດຳເນີນຄະດີ ທີ່ກຳລັງໄດ້ດຳເນີນ ໃນດິນແດນຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ.

3. ເມື່ອ ປະຕິເສດ ຫຼື ເລື່ອນການປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍ ຕາມທີ່ກຳນົດໄວ້ໃນມາດຕານີ້ ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍຕ້ອງ:

ກ. ແຈ້ງໃຫ້ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍຊາບໃນທັນໃດ ກ່ຽວກັບເຫດຜົນຂອງການປະຕິເສດ ຫຼື ການເລື່ອນ;

ຂ. ປຶກສາຫາລືກັບພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍວ່າ ຕົນອາດໃຫ້ການຊ່ວຍເຫຼືອ ໂດຍມີເງື່ອນໄຂ ທີ່ຈຳເປັນ.

4. ຖ້າວ່າ ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຮັບເອົາການຊ່ວຍເຫຼືອ ໂດຍມີເງື່ອນໄຂ ຕາມທີ່ກຳນົດໄວ້ໃນຂໍ້ 3, ຂ ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງປະຕິບັດຕາມ ເງື່ອນໄຂດັ່ງກ່າວ.

ມາດຕາ 7

ການປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍ

1. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍໂດຍໄວ ຕາມກົດໝາຍ ແລະ ວິທີການທີ່ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຖ້າວ່າ ບໍ່ຂັດກັບກົດໝາຍຂອງຕົນ.

2. ພາຍຫຼັງ ໄດ້ຮັບຄຳຮ້ອງຂໍ ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍຕ້ອງແຈ້ງໃຫ້ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍຊາບກ່ຽວກັບວັນ ແລະ ສະຖານທີ່ໃນການປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍການຊ່ວຍເຫຼືອ.

3. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງແຈ້ງໃຫ້ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍຊາບ ໃນທັນໃດ ກ່ຽວກັບສະພາບການ ຊึ่งເຮັດໃຫ້ການປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍຊັກຊ້າ.

4. ສິ່ງການໃຈການປະສານງານຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງແຈ້ງໃຫ້ສິ່ງການໃຈການປະສານງານຂອງພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍຊາບ ໃນທັນໃດ ກ່ຽວກັບຜົນຂອງການຊ່ວຍເຫຼືອ.

ມາດຕາ 8
ການສົ່ງມອບເອກະສານ

1. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍ ກ່ຽວກັບການສົ່ງມອບເອກະສານ ໃນທັນໃດ ຖ້າວ່າ ກົດໝາຍຂອງຕົນ ອະນຸຍາດ.

2. ຄຳຮ້ອງຂໍ ກ່ຽວກັບການສົ່ງໝາຍເຊີນໃຫ້ພະຍານ ຫຼື ຜູ້ຊ່ຽວຊານ ຕ້ອງສົ່ງໃຫ້ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຢ່າງໜ້ອຍ ເກົ້າສິບວັນ (90 ວັນ) ກ່ອນວັນທີ່ຜູ້ກ່ຽວ ຖືກຮ້ອງຂໍໃຫ້ເຂົ້າຮ່ວມ ໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ. ໃນກໍລະນີສຸກເສີນ ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ອາດບໍ່ກຳໜົດ ກຳນົດເວລານີ້ກໍໄດ້.

3. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງສົ່ງຫຼັກຖານກ່ຽວກັບການສົ່ງມອບເອກະສານ ໃຫ້ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ. ຖ້າວ່າ ບໍ່ສາມາດສົ່ງມອບໄດ້ ກໍຕ້ອງແຈ້ງເຫດຜົນນັ້ນໃຫ້ ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍຊາບ.

ມາດຕາ 9
ການໃຫ້ຂໍ້ມູນ

1. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງໃຫ້ເອກະສານ, ບົດບັນທຶກ ຫຼື ຂໍ້ມູນ ກ່ຽວກັບການຊ່ວຍເຫຼືອ ຊึ่ງກັນ ແລະ ກັນທາງດ້ານກົດໝາຍໃນບັນຫາອາຍາ ເປັນສະບັບສຳເນົາ.

2. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ອາດໃຫ້ເອກະສານ, ບົດບັນທຶກ ຫຼື ຂໍ້ມູນໃດໜຶ່ງ ເປັນສະບັບສຳເນົາ ໃນວິທີ ແລະ ເງື່ອນໄຂ ອັນດຽວກັນ ທີ່ໄດ້ໃຫ້ອົງການທີ່ມີສິດອຳນາດຂອງຕົນ.

3. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ອາດໃຫ້ເອກະສານ ຫຼື ບົດບັນທຶກ ສະບັບສຳເນົາ ຂອງສະບັບເດີນ ທີ່ມີການຈົດທະບຽນສານ ເນັ້ນສະເພາະ ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຫາກຕ້ອງການເດີນສະບັບ.

ມາດຕາ 10
ການສົ່ງວັດຖຸສິ່ງຂອງຕົນໃຫ້ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ

ພາຍຫຼັງ ໄດ້ຮັບຄຳຮ້ອງຂໍ ຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍແລ້ວ ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງສົ່ງວັດຖຸສິ່ງຂອງຕົນ ພາຍໃຕ້ເງື່ອນໄຂ ແລະ ຂໍ້ກຳນົດ ຖ້າວ່າ ບໍ່ມີຄວາມຈຳເປັນ ຕໍ່ບັນຫາອາຍາ ທີ່ລະບຸໄວ້ໃນຄຳຮ້ອງຂໍ.

ມາດຕາ 11
ການກວດເຄື່ອນ ແລະ ການຍຶດເອົາ

1. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງປະຕິບັດຄຳສັ່ງກວດເຄື່ອນບຸກຄົນ ຫຼື ຄວາມສະຖານ ທີ່ອຸດສາຫາ ແລະ ຍຶດວັດຖຸສິ່ງຂອງ, ເອກະສານ ຫຼື ຫຼັກຖານໃນລະດັບອາຍາ ໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຖ້າວ່າ ກົດໝາຍຂອງຕົນ ອະນຸຍາດ. ໃນກໍລະນີດັ່ງກ່າວ ສິດຂອງບຸກຄົນທີ່ສາມທີ່ບໍ່ສຸຈະລິດ ຕ້ອງໄດ້ຮັບການເຄົາລົບ ແລະ ການປົກປ້ອງ.

2. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງແຈ້ງ ກ່ຽວກັບຜົນຂອງການກວດເຄື່ອນ, ສະຖານທີ່ ແລະ ສະພາບການ ໃນການຍຶດ ກໍ່ຄື ການຄຸ້ມຄອງເອກະສານ, ບົດບັນທຶກ ຫຼື ສິ່ງອື່ນ ຊຸດໂດຍໄວ ເທົ່າທີ່ສາມາດໄດ້.

ມາດຕາ 12

ການປະກອບຫຼັກຖານ ແລະ ການເອີ້ນຄຳໃຫ້ການ

1. ພາຍຫຼັງ ໄດ້ຮັບຄຳຮ້ອງຂໍ ແລະ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບກົດໝາຍຂອງຕົນ ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງເອົາຄຳໃຫ້ການ ຫຼື ຄຳຊັບຂອງບຸກຄົນ ຫຼື ໃຫ້ຜູ້ກ່ຽວ ສະໜອງຫຼັກຖານ ເພື່ອສົ່ງໃຫ້ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ.

2. ບຸກຄົນ ທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ໄປໃຫ້ຫຼັກຖານ ໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຕາມມາດຕານີ້ ອາດປະຕິເສດ ໃນການໃຫ້ຫຼັກຖານ ຖ້າວ່າ:

ກ. ກົດໝາຍຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ອະນຸຍາດ ຫຼື ໃຫ້ຜູ້ກ່ຽວ ປະຕິເສດ ໃນການສະໜອງຫຼັກຖານ ໃນສະພາບການດ້ຽວຄືກັນ ໃນການດຳເນີນຄະດີໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ;

ຂ. ກົດໝາຍຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ອະນຸຍາດ ຫຼື ໃຫ້ຜູ້ກ່ຽວ ປະຕິເສດ ໃນການສະໜອງຫຼັກຖານ ໃນສະພາບການດ້ຽວຄືກັນ ໃນການດຳເນີນຄະດີໃນພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ;

3. ຖ້າວ່າ ບຸກຄົນໃດໜຶ່ງໃນພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ອ້າງວ່າ ກົດໝາຍຂອງພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ໄດ້ກຳນົດສິດ ຫຼື ພັນທະໃນການປະຕິເສດ ໃນການໃຫ້ຫຼັກຖານນັ້ນ ອົງການໃຈກາງປະສານງານຂອງພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງປຶ້ງປົນຢ່າງເປັນທາງການ ກ່ຽວກັບສິດ ແລະ ພັນທະດັ່ງກ່າວ ຕໍ່ອົງການໃຈກາງປະສານງານຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ພ້ອມດ້ວຍຫຼັກຖານກ່ຽວກັບ ສິດ ແລະ ພັນທະນັ້ນ ຕາມການຮ້ອງຂໍ. ໃນກໍລະນີ ບໍ່ມີຫຼັກຖານກ່ຽວກັບສິດ ແລະ ພັນທະດັ່ງກ່າວ ໃຫ້ຖືວ່າ ການປຶ້ງປົນຢ່າງເປັນທາງການ ເປັນຫຼັກຖານພຽງພໍກ່ຽວກັບບັນຫານັ້ນ.

4. ເພື່ອຈຸດປະສົງຂອງມາດຕານີ້ ການໃຫ້ ຫຼື ການປະກອບຫຼັກຖານ ກວມເອົາ ການປະກອບເອກະສານ, ບົດບັນທຶກ ຫຼື ອື່ນໆ.

ມາດຕາ 13

ການໂອນຕົວຜູ້ຖືກສານຕັດສິນລົງໂທດຊົ່ວຄາວ ເພື່ອຊ່ວຍໃນການສືບສວນ-ສອບສວນ ຫຼື ການໃຫ້ຫຼັກຖານໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ

1. ພາຍຫຼັງ ໄດ້ຮັບຄຳຮ້ອງຂໍຂອງພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ບຸກຄົນທີ່ຖືກສານຕັດສິນລົງໂທດ ໃນພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ອາດຈະຖືກໂອນຕົວຊົ່ວຄາວ ເພື່ອຊ່ວຍໃນການສືບສວນ-ສອບສວນ ຫຼື ການໃຫ້ຫຼັກຖານໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ.

2. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງໂອນຕົວບຸກຄົນທີ່ຖືກສານຕັດສິນລົງໂທດໃຫ້ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຖ້າວ່າ:

ກ. ຜູ້ກ່ຽວ ເຫັນດີກ່ຽວກັບການໂອນຕົວ ເພື່ອຊ່ວຍໃນການສືບສວນ-ສອບສວນ ຫຼື ໃຫ້ຫຼັກຖານ;

ຂ. ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ເຫັນດີປະຕິບັດຕາມເງື່ອນໄຂສະເພາະຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍກ່ຽວກັບການກັກຂັງ ແລະ ຄວາມປອດໄພຂອງຜູ້ຖືກໂອນຕົວ.

3. ໃນກໍລະນີ ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ແຈ້ງໃຫ້ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍວ່າ ຕົນ ຈະບໍ່ກັກຂັງບຸກຄົນທີ່ຖືກໂອນຕົວອີກຕໍ່ໄປແລ້ວຜູ້ກ່ຽວ ຈະຖືກປ່ອຍຕົວ ແລະ ໃຫ້ປະຕິບັດຕໍ່ຜູ້ກ່ຽວ ຄືກັບບຸກຄົນ ຕາມທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນມາດຕາ 14.

4. ເມື່ອການປາກົດຕົວຂອງບຸກຄົນທີ່ຖືກໂອນຕົວ ຕາມມາດຕານີ້ ຫາກສິ້ນສຸດລົງ ຕ້ອງສົ່ງຕົວຜູ້ກ່ຽວຄືນໃຫ້ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ໃນວິທີທາງທີ່ຕົກລົງພາຄີ ໄດ້ຕົກລົງກັນ ກ່ຽວກັບການໂອນຕົວ ກ່ອນນັ້ນ. ກຳນົດເວລາ ກ່ຽວກັບການໂອນຕົວ ແລະ ການກັກຂັງ ບຸກຄົນດັ່ງກ່າວ ຕ້ອງນັບເຂົ້າໃນກຳນົດເວລາຂອງປະຕິບັດໂທດ.

ມາດຕາ 14

ການຈັດການກ່ຽວກັບບຸກຄົນອື່ນ ເພື່ອໃຫ້ການຊ່ວຍເຫຼືອ ກ່ຽວກັບການສືບສວນ-ສອບສວນ ຫຼື ໃຫ້ຫຼັກຖານໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ

1. ພາຍຫຼັງ ໄດ້ຮັບຄຳຮ້ອງຂໍຂອງພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ອາດເຊີນບຸກຄົນອື່ນ ທີ່ບໍ່ແມ່ນບຸກຄົນຕາມມາດຕາ 13 ຂອງສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ໄປພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ເພື່ອຊ່ວຍໃນການສືບສວນ-ສອບສວນ ຫຼື ໃຫ້ຫຼັກຖານ ໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ.

2. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງເຊີນບຸກຄົນດັ່ງກ່າວ ເພື່ອຊ່ວຍໃນການສືບສວນ-ສອບສວນ ຫຼື ໃຫ້ຫຼັກຖານ ໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຖ້າວ່າ ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ມີຄວາມໝັ້ນໃຈໃນການພິຈາລະນາ ກ່ຽວກັບຄວາມປອດໄພຂອງບຸກຄົນນັ້ນ ຕາມການປະກົດຕົວ ແລະ ການໃຊ້ຈ່າຍ ຫຼື ອັດຕາກິນ ທີ່ນຳໃຊ້ໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງແຈ້ງ ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍຊາບ ກ່ຽວກັບຄຳນວນຂອງບຸກຄົນດັ່ງກ່າວ ແລະ ຄຳເນີນມາດຕະການອັນຈຳເປັນໃນການປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍ ຕາມເຫັນດີຂອງຜູ້ກ່ຽວ.

ມາດຕາ 15

ການໂອນການດຳເນີນຄະດີອາຍາ

1. ພາຄີໃດໜຶ່ງ ອາດໃຫ້ຂໍ້ມູນຕໍ່ພາຄີອື່ນ ກ່ຽວກັບຂໍ້ເທັດຈິງ ທີ່ສາມາດເປັນການກະທຳຜິດ ພາຍໃຕ້ສິດອຳນາດຂອງພາຄີນັ້ນ ເພື່ອໃຫ້ພາຄີດັ່ງກ່າວ ດຳເນີນຄະດີໃນດິນແດນຂອງຕົນ.

2. ພາຄີທີ່ໄດ້ຮັບຂໍ້ມູນ ຕ້ອງແຈ້ງໃຫ້ພາຄີທີ່ສົ່ງຂໍ້ມູນມານັ້ນຊາບ ກ່ຽວກັບການເຄື່ອນໄຫວ ເທົ່າທີ່ກະທຳໄດ້ ແລະ ຜົນຂອງການດຳເນີນຄະດີອາຍາ ບົນພື້ນຖານຂໍ້ມູນ ດ້ວຍການສົ່ງຄຳຕັດສິນສະບັບຕົ້ນ ຫຼື ສະບັບສຳເນົາທີ່ມີການຢັ້ງຢືນ.

3. ໂດຍສອດຄ່ອງກັບກົດໝາຍພາຍໃນ ແລະ ສົນທິສັນຍາທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ພາຄີທີ່ສົ່ງຂໍ້ມູນ ຕ້ອງສົ່ງຄືນຜູ້ຖືກເຫດ ໃຫ້ພາຄີທີ່ໄດ້ຮັບຂໍ້ມູນ ຖ້າວ່າ ຜູ້ກ່ຽວໄດ້ຖືກກັກຂັງໄວ້ໃນດິນແດນຂອງຕົນ ຕາມການຮ້ອງຂໍ ກ່ຽວກັບການໂອນການດຳເນີນຄະດີອາຍາ.

ມາດຕາ 16

ການຮັບປະກັນຄວາມປອດໄພ

1. ບຸກຄົນ ທີ່ປາກົດຕົວໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຕາມຄຳຮ້ອງຂໍ ຕາມມາດຕາ 13 ແລະ 14 ຂອງສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້:

ກ. ຈະບໍ່ຖືກ ກັກຂັງ, ສົ່ງຟ້ອງ ຫຼື ລົງໂທດໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ກ່ຽວກັບການກະທຳ ຫຼື ການເປັນສັດຂອງຜູ້ກ່ຽວທີ່ເກີດຂຶ້ນ ກ່ອນການເດີນທາງອອກຈາກພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ລວມທັງ ຖືກຮ້ອງຟ້ອງທາງແພ່ງ ຖ້າວ່າການຮ້ອງຟ້ອງທາງແພ່ງ ບໍ່ສາມາດລິເລີ່ມໄດ້ ໂດຍບໍ່ມີການປາກົດຕົວຂອງຜູ້ກ່ຽວໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ.

ຂ. ຈະບໍ່ໃຫ້ຫຼັກຖານໃນການດຳເນີນຄະດີອາຍາ ຫຼື ຊ່ວຍໃນການສືບສວນ-ສອບສວນ ທີ່ບໍ່ອາດເປັນຈາກບັນຫາອາຍາ ທີ່ໄດ້ຮ້ອງຂໍນັ້ນ ໂດຍບໍ່ມີຄຳໝັ້ນຕົນຂອງຜູ້ກ່ຽວ.

2. ວັກທີ 1 ຂອງມາດຕານີ້ ຈະບໍ່ຖືກນຳໃຊ້ ຖ້າວ່າ ບຸກຄົນນັ້ນ ໄດ້ຮັບການປ່ອຍຕົວໃຫ້ອອກຈາກພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ແຕ່ຍັງບໍ່ໄດ້ອອກເດີນທາງ ພາຍໃນກຳນົດເວລາ 15 ວັນລັດຖະການ ພາຍຫຼັງ ໄດ້ຮັບແຈ້ງຢ່າງເປັນທາງການວ່າ ການປາກົດຕົວຂອງຜູ້ກ່ຽວ ແມ່ນບໍ່ຈຳເປັນອີກຕໍ່ໄປ ຫຼື ໄດ້ອອກເດີນທາງແລ້ວ ແຕ່ໄດ້ກັບຄືນມາອີກດ້ວຍຄວາມສະໝັກໃຈ.

3. ບຸກຄົນ ທີ່ບໍ່ເຫັນດີ ໃນການຊ່ວຍເຫຼືອໃນການສືບສວນ-ສອບສວນ ຫຼື ໃຫ້ຫຼັກຖານ ຕາມມາດຕາ 13 ແລະ 14 ຂອງສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະບໍ່ຖືກລົງໂທດ ບໍ່ວ່າສະຖານໃດ ຫຼື ໄດ້ຮັບມາດຕະການບັງຄັບໃດ ໃນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຫຼື ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ.

4. ບຸກຄົນ ທີ່ເປັນຄົນ ໃນການຊ່ວຍເຫຼືອໃນການສືບສວນ-ສອບສວນ ຫຼື ໃຫ້ຫຼັກຖານ ຕາມມາດຕາ 13 ແລະ 14 ຂອງສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະບໍ່ຖືກສັ່ງຟ້ອງ ຍ້ອນການໃຫ້ການຂອງຕົນ ເວັ້ນເສຍແຕ່ ຜູ້ກ່ຽວໄດ້ໃຫ້ການເທັດ.

ມາດຕາ 17

ຊັບສິ່ງໄດ້ມາ ແລະ ວັດຖຸທີ່ນຳໃຊ້ ເຂົ້າໃນການກະທຳຜິດ

1. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງພະຍາຍາມ ຊອກຫາບ່ອນຢູ່ຂອງຊັບ ຊຶ່ງອ້າງว่า ໄດ້ມາຈາກການກະທຳຜິດ ແລະ/ຫຼື ວັດຖຸທີ່ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນການກະທຳຜິດ ໃນດິນແດນຂອງຕົນ ແລະ ແຈ້ງໃຫ້ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍຊາບ ກ່ຽວກັບຜົນຂອງການຊອກຫາ.

2. ພາຍຫຼັງ ໄດ້ພົບເຫັນ ຊັບ ຊຶ່ງສົງໄສว่า ໄດ້ມາຈາກການກະທຳຜິດ ແລະ/ຫຼື ວັດຖຸທີ່ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນການກະທຳຜິດ ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງດຳເນີນມາດຕະການ ທີ່ກົດໝາຍອະນຸຍາດ ເພື່ອຍຶດ ຫຼື ອາຍັດ ຊັບດັ່ງກ່າວ ແລະ ເຮັດໃຫ້ຄຳສັ່ງຂອງສານ ຫຼື ອົງການທີ່ມີສິດອຳນາດອື່ນຂອງລັດທີ່ຮ້ອງຂໍ ວ່າດ້ວຍການຍຶດຊັບ ທີ່ໄດ້ມາຈາກການກະທຳຜິດ ແລະ/ຫຼື ວັດຖຸທີ່ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນການກະທຳຜິດ ທີ່ໃຊ້ໄດ້ຢ່າງເດັດຂາດແລ້ວ ມີຜົນສັກສິດ. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ອາດສົ່ງຊັບທີ່ໄດ້ມາຈາກການກະທຳຜິດ ແລະ/ຫຼື ວັດຖຸທີ່ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນການກະທຳຜິດ ໃຫ້ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍຕາມກົດໝາຍອະນຸຍາດ. ການສົ່ງຊັບທີ່ໄດ້ມາຈາກການກະທຳຜິດ ແລະ/ຫຼື ວັດຖຸທີ່ນຳໃຊ້ເຂົ້າໃນການກະທຳຜິດ ໃຫ້ປະຕິບັດ ຕາມຄຳຖະແຫຼງ ຂອງສານ ຫຼື ອົງການທີ່ມີສິດອຳນາດອື່ນຂອງລັດທີ່ຮ້ອງຂໍ ທີ່ໃຊ້ໄດ້ຢ່າງເດັດຂາດແລ້ວ ເທົ່ານັ້ນ.

3. ໃນການນຳໃຊ້ມາດຕານີ້ ສິດຂອງບຸກຄົນທີສາມທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ຊຶ່ງບົດຄວາມບໍ່ມີຜົນໃຈ ຕ້ອງໄດ້ຮັບການເຄົາລົບ ແລະ ປົກປ້ອງ ຕາມກົດໝາຍຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ.

ມາດຕາ 18

ການຮັກສາຄວາມລັບ ແລະ ຂໍ້ຈຳກັດໃນການນຳໃຊ້

1. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ອາດຮ້ອງຂໍໃຫ້ຮັກສາຄວາມລັບຂອງຂໍ້ມູນ ຫຼື ຫຼັກຖານ ທີ່ໄດ້ມອບໃຫ້ ຫຼື ແຫຼ່ງຂອງຂໍ້ມູນ ຫຼື ຫຼັກຖານ. ການເປີດເຜີຍ ຫຼື ນຳໃຊ້ ຂອງຂໍ້ມູນ ຫຼື ຫຼັກຖານ ຕ້ອງສອດຄ່ອງກັບກົດໝາຍຂອງພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ແລະ ຕ້ອງໄດ້ຮັບການເຫັນດີເປັນລາຍລັກອັກສອນ ຈາກພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ.

2. ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ອາດຮ້ອງຂໍໃຫ້ຮັກສາຄວາມລັບ ກ່ຽວກັບເນື້ອໃນຄຳຮ້ອງຂໍຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອ ແລະ ເອກະສານປະກອບ. ໃນກໍລະນີ ຄຳຮ້ອງຂໍ ບໍ່ສາມາດປະຕິບັດໄດ້ ໂດຍບໍ່ມີການເປີດເຜີຍຄວາມລັບນັ້ນ ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງແຈ້ງພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍຊາບ ກ່ອນຈະປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍ. ຫຼັງຈາກນັ້ນ ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງກຳນົດว่າ ຈະປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍນັ້ນ ທັງໝົດ ຫຼື ບາງສ່ວນ.

3. ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງຮັບປະກັນว่า ຂໍ້ມູນ ຫຼື ຫຼັກຖານທີ່ໄດ້ຮັບ ຕ້ອງບໍ່ໃຫ້ເກີດເສຍເສຍຫາຍ, ເອົາຈົບ, ນຳໃຊ້, ແປງ ແລະ ເປີດເຜີຍ ຫຼື ສວຍໃຊ້ ໂດຍບໍ່ຖືກຕ້ອງ ຕາມກົດໝາຍ.

4. ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຈະບໍ່ນຳໃຊ້ ຫຼື ເປີດເຜີຍຂໍ້ມູນ ຫຼື ຫຼັກຖານ ທີ່ໄດ້ຮັບພາຍໃຕ້ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ເພື່ອຈຸດປະສົງອື່ນ ທີ່ບໍ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນຄຳຮ້ອງຂໍ ໂດຍບໍ່ມີຄຳຍິນຍອມເປັນລາຍລັກອັກສອນລ່ວງໜ້າ ຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ.

ມາດຕາ 19

ການຢັ້ງຢືນ ແລະ ການຈົດຫະບຽນສານ

1. ໂດຍບໍ່ກ່ຽວຂ້ອງກັບວັກທີ່ສອງຂອງມາດຕານີ້, ຄຳຮ້ອງຂໍການຊ່ວຍເຫຼືອ, ເອກະສານປະກອບ, ເອກະສານ ຫຼື ສິ່ງອື່ນ ທີ່ໄດ້ມອບໃຫ້ ເພື່ອຕອບສະໜອງຄຳຮ້ອງຂໍ ບໍ່ຈຳເປັນຕ້ອງມີການຢັ້ງຢືນ ແລະ ຈົດທະບຽນສານ.

2. ໃນກໍລະນີທີ່ເຂດ ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຫຼື ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຫາກຮ້ອງຂໍว່າ ເອກະສານ ຫຼື ສິ່ງອື່ນ ຕ້ອງໄດ້ຮັບການຈັດຫະບຽນສານ ເອກະສານ ຫຼື ສິ່ງອື່ນນັ້ນ ຕ້ອງຈັດຫະບຽນສານຢ່າງຖືກຕ້ອງ ໃນວິທີທາງ ທີ່ໄດ້ກຳນົດໄວ້ໃນວັກທີ 3.

3. ເອກະສານ ຫຼື ສິ່ງອື່ນ ຕ້ອງໄດ້ຈັດຫະບຽນສານ ເພື່ອຈຸດປະສົງຂອງສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຖ້າວ່າ ເອກະສານ ຫຼື ສິ່ງອື່ນນັ້ນ ຕ້ອງໄດ້ຜົນງານເລີ້ນ ໂດຍສະບັບການຂອງອົງການທີ່ມີສິດອຳນາດ ແລະ ປະທັບຕາຂອງອົງການດັ່ງກ່າວ ຕາມກົດໝາຍຂອງພາຄີທີ່ສົ່ງເອກະສານ ຫຼື ສິ່ງອື່ນນັ້ນມາ.

ມາດຕາ 20
ການຕາງໜ້າ ແລະ ຄ່າໃຊ້ຈ່າຍ

1. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງເປັນຕົວແທນແຫ່ງຊົນປະໄຫຍດ ຂອງພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ໃນຂະນະທີ່ປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍ ເວັ້ນເສຍແຕ່ ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ໄດ້ກຳນົດເປັນຢ່າງອື່ນ.

2. ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງຮັບຜິດຊອບຄ່າໃຊ້ຈ່າຍໃນການປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍການຊ່ວຍເຫຼືອ ເວັ້ນເສຍແຕ່ ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງຮັບຜິດຊອບ:

ກ. ຄ່າໃຊ້ຈ່າຍ ກ່ຽວກັບ ການສົ່ງບຸກຄົນໄປເດີນແດນຂອງພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຫຼື ການເດີນທາງກັບ, ຄ່າທຳນຽມ, ອັດຕາກິນ, ຄ່າໃຊ້ຈ່າຍໃນຂະນະທີ່ ຜູ້ກ່ຽວ ຢູ່ໃນເດີນແດນພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ ຕາມຄຳຮ້ອງຂໍ ຕາມມາດຕາ 13 ແລະ 14 ຂອງສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້;

ຂ. ຄ່າໃຊ້ຈ່າຍຂອງເຈົ້າໜ້າທີ່ ຜູ້ຄຸມ ແລະ ພາກົວ;

ຄ. ຄ່າໃຊ້ຈ່າຍ ໃຫ້ຜູ້ຊ່ຽວຊານ;

ງ. ຄ່າໃຊ້ຈ່າຍກ່ຽວກັບ ການແປ, ການແປເອກະສານ ແລະ ການສຳເນົາເອກະສານ ແລະ ການຖ່າຍຮູບພາບຫຼັກຖານ ໂດຍການປະຊຸມທາງໄກ ຫຼື ວິທີທາງອີເລັກໂຕຣນິກອື່ນ ຈາກພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຫາ ພາຄີທີ່ຮ້ອງຂໍ;

ຈ. ຄ່າໃຊ້ຈ່າຍກ່ຽວກັບ ການຕັນກູ້ຄືນຊັບທີ່ໄດ້ມາຈາກການກະທຳຜິດ;

ສ. ຄ່າໃຊ້ຈ່າຍອື່ນ ທີ່ເກີດຂຶ້ນ ໃນການປະຕິບັດຄຳຮ້ອງຂໍ ທີ່ພາຄີທີ່ຖືກຮ້ອງຂໍ ຕ້ອງການ.

ມາດຕາ 21
ຄວາມສອດຄ່ອງກັບສົນທິສັນຍາອື່ນ

ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະບໍ່ສະກັດກັ້ນ ພາຄີໃດໜຶ່ງ ກ່ຽວກັບການໃຫ້ການຊ່ວຍເຫຼືອ ຜູ້ອື່ນ ຕາມສົນທິສັນຍາສາກົນ ຫຼື ຂໍ້ຕົກລົງອື່ນ ທີ່ຕົນເປັນພາຄີ.

ມາດຕາ 22
ການປຶກສາຫາລື

ໂດຍເລັ່ງຕົວເປັນເອກະພາບ ຄູ່ພາຄີ ຈະປຶກສາຫາລືກັນເປັນປົກກະຕິ ເພື່ອສົ່ງເສີມການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຢ່າງມີປະສິດທິຜົນ. ຄູ່ພາຄີ ອາດເຮັດແນວ ກ່ຽວກັບມາດຕະການທີ່ຈຳເປັນ ເພື່ອອຳນວຍຄວາມສະດວກໃນການປະຕິບັດສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້.

ມາດຕາ 23
ການແກ້ໄຂຂໍ້ຂັດແຍ່ງ

ທຸກຂໍ້ຂັດແຍ່ງ ທີ່ເກີດຂຶ້ນ ໃນການຕີຄວາມໝາຍ ຫຼື ນຳໃຊ້ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະແກ້ໄຂ ດ້ວຍການປຶກສາຫາລືຂອງຄູ່ພາຄີ.

ມາດຕາ 24

ສິນສັກສິດ ແລະ ການສິ້ນສຸດ

1. ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້

ກ. ຕ້ອງໄດ້ຮັບການໃຫ້ສັດຕະຍາບັນ ແລະ ມີຜົນສັກສິດ ພາຍໃນກຳນົດເວລາ ສາມສິບວັນ (30) ນັບແຕ່ວັນ ໄດ້ແລກປ່ຽນການແຈ້ງໃຫ້ກັນຊາບ ກ່ຽວກັບການສິ້ນສຸດຂັ້ນຕອນພາຍໃນທາງດ້ານກົດໝາຍ ໃນການໃຫ້ສັດຕະຍາບັນສົນທິສັນຍາ ເປັນຕົ້ນໄປ;

ຂ. ຕ້ອງນຳໃຊ້ ຕໍ່ຄຳຮ້ອງຂໍ ທີ່ຮັດຂຶ້ນ ພາຍຫຼັງ ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ມີຜົນສັກສິດ ເຖິງວ່າ ການກະທຳ ຫຼື ການເກີດເສີຍ ເກີດຂຶ້ນ ກ່ອນວັນດັ່ງກ່າວ ກໍຕາມ;

ຄ. ອາດປັບປຸງ ຫຼື ເພີ່ມເຕີມ ຕາມການຫັນດີ ຂອງຄູ່ພາຄີ. ໃນກໍລະນີ ມີການປັບປຸງ ແລະ ເພີ່ມເຕີມ ການປັບປຸງ ແລະ ການເພີ່ມເຕີມນັ້ນ ຈະກາຍເປັນສ່ວນຂອງສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້.

2. ພາຍຫຼັງ ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ມີຜົນສັກສິດ ມາດຕາ 1-18 ແລະ ມາດຕາ 74 ຂອງສົນທິສັນຍາ ວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືທາງດ້ານຍຸຕິທຳໃນບັນຫາທາງແພ່ງ ແລະ ທາງອາຍາ ລະຫວ່າງ ສປປ ລາວ ແລະ ສສ ຫວຽດນາມ ທີ່ໄດ້ລົງນາມເມື່ອວັນທີ 6 ກໍລະກົດ 1998 ທີ່ ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ ຈະບໍ່ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ ຕໍ່ການຮ່ວມຫຼືອ ເຊິ່ງກັນ ແລະ ກັນ ທາງດ້ານກົດໝາຍເປັນທາງອາຍາ ລະຫວ່າງ ຄູ່ພາຄີ ແລະ ມາດຕາ 54-58 ຂອງສົນທິສັນຍາດັ່ງກ່າວ ຈະຖືກສົມບັງ".

3. ກໍລະນີໃດໜຶ່ງ ອາດຮັດໃຫ້ ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ສິ້ນສຸດລົງ ໂດຍການແຈ້ງໃຫ້ກັນຊາບ. ການສິ້ນສຸດດັ່ງກ່າວ ຈະມີຜົນ ເມື່ອຄົບກຳນົດເວລາ ຫົກເດືອນ (06) ນັບແຕ່ວັນ ທີ່ພາຄີຝ່າຍອື່ນ ໄດ້ຮັບການແຈ້ງໃຫ້ຊາບ ເປັນຕົ້ນໄປ.

4. ພາຍຫຼັງ ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ໄດ້ສິ້ນສຸດລົງ ສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້ ຈະບໍ່ມີຜົນສະທ້ອນ ຕໍ່ຄຳຮ້ອງຂໍ ທີ່ຮັດຂຶ້ນກ່ອນວັນສິ້ນສຸດດັ່ງກ່າວ.

ເພື່ອເປັນຫຼັກຖານ ຄູ່ໄດ້ຮັບການມອບອຳນາດ ຢ່າງຖືກຕ້ອງ ຈາກລັດຂອງຕົນ ຈຶ່ງໄດ້ລົງນາມໃນສົນທິສັນຍາສະບັບນີ້.

ຮັດທີ່ ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ.

ໃນວັນທີ 08 ມີນາຄອນ 2020, ເປັນພາສາຫວຽດນາມ, ພາສາລາວ ແລະ ພາສາອັງກິດ, ແຕ່ລະສະບັບມີຄຸນຄ່າທຽມກັນ. ໃນກໍລະນີ ມີຄວາມແຕກຕ່າງໃນການຕີຄວາມໝາຍ ໃຫ້ຖືເອົາສະບັບພາສາອັງກິດເປັນບ່ອນອີງ.

ຕາງໜ້າ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ	ຕາງໜ້າ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ
ດຊ ມີງ ຈີ ຫົວໜ້າອົງການໄອຍະການປະຊາຊົນສູງສຸດ	ຄຳສອນ ສຸວິງ ຫົວໜ້າອົງການໄອຍະການປະຊາຊົນສູງສຸດ

TREATY
ON
MUTUAL LEGAL ASSISTANCE IN CRIMINAL MATTERS
BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC

The Socialist Republic of Viet Nam and the Lao People's Democratic Republic (hereinafter referred to as the Parties),

Desiring to enhance their cooperation to effectively combat crimes,

Having due regard for human rights and the rule of law,

Have agreed as follows:

Article 1
Object of the Treaty

The Parties shall, in accordance with this Treaty and their respective domestic laws, provide to each other the widest mutual assistance in criminal matters.

Article 2
Use of Terms

For the purposes of this Treaty,

(a) the term "items of evidence" includes documents, records and other articles of evidence;

(b) the term "property" shall mean assets of every kind, whether corporeal or incorporeal, movable or immovable, tangible or intangible, and legal documents or instruments evidencing title to or interest in such assets;

(c) the term "instrumentalities of crime" shall mean any property that has been used, being used or intended to be used in the commission of a criminal offence;

(d) the term "proceeds of crime" shall mean any assets derived from or obtained, directly or indirectly, through the commission of a criminal offence;

(e) the term "freezing" or "seizure" shall mean temporarily prohibiting the transfer, conversion, disposition or movement of property or temporarily assuming custody or control of property on the basis of an order issued by a court or other competent authority;

(f) the term "confiscation", which includes forfeiture where applicable, shall mean the permanent deprivation of property by order of a court or other competent authority.

Article 3

Scope of Assistance

1. Assistance may consist of:

a) serving documents;

b) summoning witness and expert;

c) taking evidence and obtaining statements;

d) transfer of proceedings in criminal matters;

e) temporary transfer of sentenced persons in the Requested Party to appear in the Requesting Party to assist in investigations or give evidence;

f) arrangement of other persons to assist in investigations or give evidence in the Requesting Party;

g) taking measures to trace, restrain, freeze, seize or confiscate proceeds and/or instrumentalities of crime;

h) exchanging information;

i) any other form of assistance consistent with the objects of this Treaty which is not inconsistent with the law of the Requested Party.

2. This Treaty does not apply to:

a) the extradition, or the arrest or detention of any person with a view to extraditing that person;

b) the enforcement in the Requested Party of criminal judgments imposed in the Requesting Party, except to the extent permitted by the law of the Requested Party and this Treaty;

c) the transfer of sentenced persons to serve sentences.

Article 4
Central Authority

1. Each Party shall designate a Central Authority for the purpose of the implementation of this Treaty.

2. The following agencies are designated as the Central Authorities as this Treaty comes into effect:

a) the Central Authority of the Socialist Republic of Viet Nam shall be the Supreme People's Procuracy;

b) the Central Authority of the Lao People's Democratic Republic shall be the Office of the Supreme People's Prosecutor.

3. Each Party shall inform the other of any change of its Central Authority provided in paragraph 2 of this Article.

4. The Central Authorities shall directly communicate with each other to implement this Treaty. Where necessary, the Parties may communicate through the diplomatic channel.

5. The Office of the People's Prosecutor or Office of the People's Procuracy of the border provinces in each Party may directly communicate with each other to transfer, receive and implement requests on mutual legal assistance in criminal matters and, at the same time, shall report its Central Authority.

Article 5
Content and Form of Requests

1. The letter of request for assistance shall include:

a) the name and address of the office by which the request is made;

b) the name and address of the requested office or its head office to which the request is sent;

c) the name of a person and his/her permanent residence or office address, the official name and address of an entity or organization or its head office to whom or which the request relates;

d) a description of the assistance sought, the purpose of the request, the nature and relevant facts of the case, the provision and punishment of the

applicable laws, the progress of the investigation, prosecution or court proceedings and the time limit within which the request should be executed.

2. The letter of request for assistance may include:

a) the identity, nationality and domicile of the person [the accused] to whom the case relates or the other who knows information sought that is related to the said case;

b) matters for which an interrogation seeks, a list of questions posed and, in cases of a request for the obtaining of evidence, a description of documents, records or items of evidence rendered and, if necessary, a description and identify of the person who is required to render such documents, records or items of evidence;

c) the nature of tasks, a list of questions and requirements for the summoned witness or expert;

d) in case of a request for search, seizure, tracing or confiscation of proceeds and/or instrumentalities of crime, a description of searched property and premises, the grounds to believe that the proceeds and/or instrumentalities of crime is existing in the Requested Party and is possibly under the jurisdiction of the Requesting Party and the enforcement of orders or judgments of the court to which the request relates;

e) measures applicable to the request that would likely result in locating or seizing proceeds and/or instrumentalities of crime;

f) requirements or procedures that the Requesting Party wishes to be followed to facilitate the execution of the request, including forms or manners in which information, evidence, documents or items are provided;

g) the degree of confidentiality required and the reasons thereof;

h) the purpose, intended date and schedule of the trip if competent officer(s) of the Requesting Party wishes to travel to the territory of the Requested Party for the purpose of the execution of the request;

i) the criminal judgment or order of a court and other documents, articles of evidence or information necessary for the execution of the request.

3. If the Requested Party considers that the information contained in the letter of request is not sufficient to enable the request to be dealt with under this Treaty, it shall request additional information in writing and set a specific date on which such additional information is received.

4. The request shall be made in writing. However, in urgent cases and

permitted by the Requested Party, it may be made in other forms but shall be promptly confirmed in writing thereafter.

5. The letter of request and its supporting document shall be in the language of the Requesting Party and accompanied by a translation into the language of the Requested Party or another language acceptable to the Requested Party.

Article 6
Refusal or Postponement of Assistance

1. Legal assistance under this Treaty shall be refused in any of the following circumstances:

a) the request is inconsistent with an international agreement of which the Requested Party is the member or inconsistent with the law of the Requested Party;

b) the execution of the legal assistance request would prejudice sovereignty, national security of the Requested Party;

c) the request relates to the prosecution of a person for an offence in respect of which the offender has been finally convicted, acquitted or pardoned in the Requested Party;

d) the request relates to an offence that could be no longer prosecuted by reason of lapse of time under the law of the Requested Party;

e) the request relates to an act or omission that does not constitute an offence under the law of the Requested Party.

2. Assistance may be postponed by the Requested Party if the execution of the request would interfere ongoing criminal proceedings in the territory of the Requested Party.

3. When refusing a request or postponing its execution under this Article, the Requested Party shall:

a) promptly inform the Requesting Party of reason(s) for any refusal or postponement; and

b) consult with the Requesting Party of whether assistance may be provided subject to certain conditions as the Requested Party deems necessary.

4. If the Requesting Party accepts assistance subject to the conditions provided in paragraph 3.b, it shall comply with them.

Article 7
Execution of Requests

1. The Requested Party shall promptly execute the request in accordance with its law and, in so far as it is not inconsistent with its law, in the manner requested by the Requesting Party.

2. Upon request, the Requested Party shall inform the Requesting Party of the date and place of the execution of the request for assistance.

3. The Requested Party shall promptly inform the Requesting Party of circumstances which are likely to cause a delay in executing the request.

4. The Central Authority of the Requested Party shall promptly inform the Central Authority of the Requesting Party of results of assistance.

Article 8
Service of Documents

1. The Requested Party shall, in so far as its law permits, promptly execute the request of serving documents.

2. A request for serving a document summoning a witness or expert shall be sent to the Requested Party not less than ninety (90) days before the date on which the attendance is required in the Requesting Party. In urgent cases, the Requested Party may waive this requirement.

3. The Requested Party shall send to the Requesting Party proof of service of the document. If service cannot be effected, the Requesting Party shall be informed of the reasons.

Article 9
Provision of Information

1. The Requested Party shall provide copies of documents, records or information related to mutual legal assistance in criminal matters.

2. The Requested Party may provide the copy of any document, record or information in the same manner and condition as provided to its competent authorities.

3. The Requested Party may provide authenticated copies of original documents or records, except in cases the Requesting Party requires the originals.

Article 10
Return of Materials to the Requested Party

The Requesting Party shall, upon request of the Requested Party, return the materials provided under this Treaty when they are no longer necessary to the criminal matters specified in the request.

Article 11
Search and Seizure

1. The Requested Party shall, in so far as its law permits, carry out search warrants against persons or premises to search and seize materials, documents or items of evidence in criminal cases in the Requesting Party. In this circumstance, the rights of bona fide third parties are respected and protected.

2. The Requested Party shall as soon as practicable inform the Requesting Party of the result of any search, the place and circumstances of seizure, and the subsequent custody of the documents, records or items seized.

Article 12
Taking Evidence and Obtaining Statements

1. The Requested Party shall, upon request and in consistent with its law, obtain testimonies or statements of persons or require them to provide items of evidence for the transmission to the Requesting Party.

2. A person who is called upon to give evidence in the Requested Party under this Article may decline to give evidence where either:

a) the law of the Requested Party permits or requires that person to decline to give evidence in similar circumstances in procedures commencing in the Requested Party; or

b) the law of the Requesting Party permits or requires that person to decline to give evidence in similar circumstances in procedures commencing in the Requesting Party.

3. If any person in the Requested Party claims that there is a right or obligation to decline to give evidence under the law of the Requesting Party, the Central Authority of the Requesting Party shall, upon request, provide a formal certification of that right or obligation to the Central Authority of the Requested Party as to the existence of that right or obligation. In the absence of evidence to the contrary, such formal certification shall be sufficient evidence of the matters stated in it.

4. For the purpose of this Article, the giving or taking of evidence shall include the production of documents, records or other materials.

Article 13

Temporary Transfer of Sentenced Persons to Assist in Investigations or Give Evidence in the Requesting Party

1. A sentenced person in the Requested Party may be, upon the request of the Requesting Party, temporarily transferred to assist in investigations or give evidence in the Requesting Party.

2. The Requested Party shall only transfer the sentenced person to the Requesting Party if:

a) that person consents to the transfer to assist in investigations or give evidence; and

b) the Requesting Party agrees to comply with specific conditions required by the Requested Party concerning the custody and safety of the transferred person.

3. Where the Requested Party advises the Requesting Party that the transferred person is no longer required to be held in custody, that person shall be set at liberty and be treated as the person provided in Article 14.

4. The transferred person under this Article shall be returned to the Requested Party in the manner the Parties have arranged at the conclusion of the matter in relation to which the transfer was sought or at such earlier time as the person's presence is no longer required. The period during which such

person was transferred and under custody in the Requesting Party shall count towards the period of his/her imprisonment.

Article 14
Arrangement of Other Persons to Assist in Investigations or Give Evidence in the Requesting Party

1. Upon the request of the Requesting Party, the Requested Party may invite a person who is not subject to Article 13 of this Treaty to travel to the Requesting Party to assist in investigations or give evidence in the Requesting Party.

2. The Requested Party shall, if satisfied with arrangements for the person's safety under an assurance in writing made by the Requesting Party, invite that person to assist in investigations or give evidence in the Requesting Party. That person shall be informed of accommodation, travelling and any expenses or allowances payable in the Requesting Party. The Requested Party shall inform the Requesting Party of the person's response and, if the person consents, take steps necessary to execute the request.

Article 15
Transfer of Criminal Proceedings

1. Either Party may lay information before the other Party relating to facts that could constitute criminal offences falling within the latter's jurisdiction so that it can initiate criminal proceedings in its territory.

2. The receiving Party shall notify the transmitting Party of any action taken, and where applicable, the outcome of the criminal proceedings conducted on the basis of such information by transmitting the original final decision or a certified copy thereof.

3. The transmitting Party shall, in accordance with its national laws and related Treaties, extradite the accused to the receiving Party if the accused is being held in custody in its territory when sending the request on transfer of criminal proceedings.

Article 16
Safe Conduct

1. The person present in the Requesting Party under the request subject to Articles 13 and 14 of this Treaty:

a) shall not be detained, prosecuted or punished in the Requesting Party, nor be subjected to any civil suit if such civil suit cannot be commenced without the person's presence in the Requesting Party, in respect of any act or omission of the person that is alleged to have occurred before the person's departure from the Requested Party;

b) shall not, without that person's consent, give evidence in any criminal procedure or assist in any investigation other than the criminal matters in respect of which the request is made.

2. The paragraph 1 of this Article shall cease to apply if that person, being free to leave, has not left the Requesting Party within a period of fifteen (15) consecutive days after that person has been officially notified that his/her presence is no longer required or, having left, has voluntarily returned.

3. The person who does not consent to assist in investigations or give evidence under Articles 13 and 14 of this Treaty shall not be liable to any penalty or be subjected to any coercive measure in the Requesting Party or in the Requested Party.

4. The person who consents to assist in investigations or give evidence under Articles 13 and 14 of this Treaty shall not be prosecuted for that person's statement, except that he/she makes false statements.

Article 17
Proceeds and Instrumentalities of Crime

1. The Requested Party shall, upon request, endeavor to ascertain whether proceeds and/or instrumentalities of the alleged crime are located in its territory and shall notify the Requesting Party of the results of its inquiries.

2. Where suspected proceeds and/or instrumentalities of crime are found, the Requested Party shall take measures as are permitted by its law to freeze or seize them and give effect to a final order confiscating the proceeds and/or instrumentalities of crime made by a competent authority of the Requesting

Party. The Requested Party may, to the extent permitted by its law, return the proceeds and/or instrumentalities of crime to the Requesting Party. The return of such proceeds and/or instrumentalities of crime shall only be executed when there is a final determination made by a court or another competent authority of the Requesting Party.

3. In the application of this Article, the rights of relevant bona fide third parties shall be respected and protected under the law of the Requested Party.

Article 18
Protection of Confidentiality and Limitation on Use

1. The Requested Party may request to keep confidential the information or evidence provided or sources of such information or evidence. The disclosure or use must be consistent with the law of the Requesting Party and subject to a writing consent of the Requested Party.

2. The Requesting Party may request to keep confidential the content of the request for assistance and its supporting documents. If the request cannot be executed without breaching confidentiality, the Requested Party shall so inform the Requesting Party before the request is executed. The Requesting Party shall then determine whether the request should be nevertheless wholly or partly executed.

3. The Requesting Party shall ensure that information or evidence obtained must be protected against loss, unlawful access, use, modification and disclosure or misuse.

4. Without prior written consent of the Requested Party, the Requesting Party shall not use or disclose information or evidence obtained under this Treaty for any purpose other than the purpose specified in the request.

Article 19
Certification and Authentication

1. Not subject to paragraph 2 of this Article, a request for assistance, the documents in support thereof, and documents or materials furnished in response to a request, shall not require any form of certification or authentication.

2. Where, in a particular case, the Requested Party or the Requesting Party requests that documents or materials be authenticated, the documents or materials shall be duly authenticated in the manner provided in paragraph 3.

3. Documents or materials are authenticated for the purposes of this Treaty if they purport to be signed by an official of a competent authority and to be sealed with an official seal of that authority under the law of the sending Party.

Article 20
Representation and Expenses

1. Unless otherwise provided in this Treaty, the Requested Party shall represent the interests of the Requesting Party during the execution of the request.

2. The Requested Party shall meet the cost of fulfilling the request for assistance except that the Requesting Party shall bear:

a) the expenses associated with conveying any person to or from the territory of the Requested Party and any fees, allowances, expenses payable to that person whilst in the Requesting Party pursuant to a request under Articles 13 and 14 of this Treaty;

b) the expenses associated with conveying custodial or escorting officers;

c) the expenses associated with expert;

d) the expenses associated with interpreting, translating and transcription of documents and obtaining images of evidence via video conference or other electronic means from the Requested Party to the Requesting Party;

e) the expenses associated with the recovery of proceeds of crime; and

f) the expenses of an extraordinary nature arising during the execution of the request as the Requested Party requires.

Article 21
Compatibility with Other Arrangements

This Treaty shall not prevent one Party from providing assistance to the other pursuant to other international treaties or agreements to which they are a party.

Article 22
Consultation

The Parties shall consult each other, at times mutually agreed to by them, to promote the most effective implementation of this Treaty. The Parties may also agree on such practical measures as may be necessary to facilitate the implementation of this Treaty.

Article 23
Settlement of Disputes

Any dispute arising from the interpretation or application of this Treaty shall be settled by consultation between the Parties.

Article 24
Entry into Force and Termination

1. This Treaty:

a) shall be ratified and enter into force on the thirtieth (30th) day after the day on which the final notification of fulfilling the domestic legal procedures to ratify the Treaty has been exchanged;

b) shall apply to requests made after its entry into force, even if the relevant acts or omissions occurred prior to that date;

c) may be amended and supplemented subject to mutual consent of the Parties. Where the Treaty is amended and supplemented, the amendments and supplements shall become an integral part of this Treaty.

2. Upon entering into force of this Treaty, Articles 1 to 16 and Article 74 of the Treaty on Mutual Legal Assistance in Civil and Criminal Matters between the Socialist Republic of Viet Nam and the Lao People's Democratic Republic, signed on July 06th 1998 in Ha Noi, shall not be applicable to mutual legal assistance in criminal matters between the Parties and Articles 54 to 58 of the Treaty shall be terminated.

3. Each Contracting Party may terminate this Treaty by giving a notification to the other Party. Such termination takes effect six (06) months following the date on which it is received by the other Party.

4. Where being terminated, this Treaty shall nevertheless take effect to requests made prior to the day of termination.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized thereto by their respective States, have signed this Treaty.

DONE at Vientiane capital city.

On 08 January, 2020 in the Vietnamese, Lao and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE LAO PEOPLE'S DEMOCRATIC REPUBLIC
Le Minh Tri	**Khamsane SOUVONG**
Prosecutor General	**Supreme People's Prosecutor**
The Supreme People's Procuracy	**The Office of the Supreme People's Prosecutor**